

Từ Thực Dân Đến Cộng Sản Một kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam

Hoàng Văn Chí

PHẦN 4 - CẢI TẠO TƯ TƯỞNG

Chương 9 – Công tác tư tưởng

“Thiên hạ thường tin những câu chuyện bịa đặt nhưng giản dị, hơn là những câu chuyện có thực, nhưng lại rắc rối, khó hiểu.”

(De Tocqueville)

Giới trí thức hợp tác với Việt Minh và tham gia kháng chiến không thể nào công nhận Pháp có gián điệp hoạt động trong khắp xóm làng, và chỉ có những kẻ ngớ ngẩn vào bậc nhất mới tin câu chuyện Pháp nhờ mấy ông sư vẽ bản đồ hướng dẫn phi công Pháp trong các vụ oanh tạc. Trong cuộc “Đấu chính trị” không ai là không thấy bàn tay Đảng giết dây và mọi người đều xác định là Đảng dùng cả phương tiện hợp pháp lẫn bất hợp pháp để loại trừ những người không cộng sản ra khỏi hàng ngũ kháng chiến. Vì tin có Trung cộng viện trợ để thắng Pháp nay mai, nên Việt cộng cho rằng cơ hội cộng sản hoá toàn cõi Việt Nam đã đến nơi, và muốn cộng sản hoá thì việc đầu tiên là tiêu diệt những phần tử sau này sẽ chống đối.

Có người cho rằng ông Hồ đã trở tay diệt trừ những người kháng chiến có xu hướng quốc gia vì ông không quen kinh nghiệm bản thân hồi hai mươi bốn năm về trước, Tưởng Giới Thạch trở tay diệt cộng. Hồi ấy Quốc dân Đảng và cộng sản Trung Hoa liên kết trong cuộc Bắc phạt đánh Trương Tác Lâm. Liên quân quốc-cộng chiếm được Thượng Hải, Tưởng Giới Thạch bắt nhân dân phải nộp khí giới và đột nhiên bắt hết cộng sản. Hồi đó, ông Hồ đang ở Quảng Châu, và nhờ sự che chở của phái bộ Nga nên ông về được Moscou cùng với phái đoàn, còn Mao Trạch Đông và đồng đảng phải mở một con đường máu vừa đánh vừa chạy trong hơn hai năm, cuối cùng là cuộc “Vạn lý trường chinh” (1934-1936) đưa Trung cộng lên Diên An, định cư ở đấy cho đến 1949.

Vì Tưởng trở tay bất ngờ nên cả ông Hồ lẫn ông Mao đều bị lao đao. Từ ngày ấy cả hai đều luôn luôn cảnh giác các đảng viên mới là nếu hợp tác với quốc gia thì chớ nên quên “cầm dao đằng cán” hoặc ít nhất cũng phải luôn luôn phòng bị. Nguyễn Sơn kể chuyện ông Mao rất ưa giảng *Tam quốc chí*, và ông thường đề cao Tào Tháo. Theo *Tam quốc chí* thì phương châm xử thế của Tào Tháo là: “*Thà phụ người, chớ để người phụ ta*”. Giới trí thức hợp tác với Việt Minh không bao giờ ngờ rằng Đảng có thể trở mặt vì không hề nghe nói vụ Tưởng trở tay ở Thượng Hải và cũng không nghiên cứu triết lý phụ người và người phụ. Họ chỉ biết tích cực tham gia kháng chiến và nhẫn nhục chịu đựng sự lãnh đạo của cộng sản để tranh đấu cho độc lập của xứ sở. Họ tin rằng sự hy sinh của họ sẽ mang lại tự do và công bằng cho tổ quốc thân yêu. Nhưng họ bừng tỉnh giấc mơ khi họ thấy trong cuộc “Đấu chính trị” Đảng đã tàn sát không biết bao nhiêu người lâu nay vẫn ngoan ngoãn theo Đảng, rồi vờ vịt nói là tại “quần chúng tự động”. Câu hỏi được đặt ra là một đảng “bá đạo” như vậy thì làm sao có thể thực hiện được thế giới đại đồng. Họ thắc mắc và bỗng nhiên nhớ lại thuyết hoài nghi của Montaigne. “**Cái gì bên này coi là chân lý thì bên kia coi là tà thuyết**”, độc tài được gọi là dân chủ, độc lập nghĩa là phụ thuộc Nga-Tàu, và tự do đã trở thành “bệnh”. Chính sách cứ thay đổi xoành xoạch, nên giới trí thức chẳng biết đâu là cách mạng, đâu là phản động. Mớ kiến thức hấp thụ của Tây phương trở thành vô dụng. Triết học Đông, Tây, và ngay cả lý thuyết Mác-xít cũng chẳng ăn nhằm vì cụ Mác nói một đường mà các lý thuyết gia Trung cộng lại giảng một nẻo. Bị hoang mang, họ chẳng còn biết ai là kẻ thù chính: thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, địa chủ Việt Nam, tư sản mại bản, hay là chính bản thân họ, là trí thức tiểu tư sản.

Nhiều đảng viên cũng cảm thấy ai oán trong lòng. Họ nghiên cứu chủ nghĩa Mác và chấp nhận nguyên tắc vô sản chuyên chính vì họ quan niệm nông dân và công nhân cũng có thể “trị quốc” một cách công bình nhân đạo, vì dù ít học cũng là những người “phải chăng”. Nhưng giờ họ đã nhận thấy **nông dân và công nhân ngay thẳng chẳng có may mắn quyền hành dưới cái chế độ mệnh danh là công nông chuyên chính**. Trong các cuộc đấu tố chỉ có bọn lưu manh là có toàn quyền đánh đập. Sau này Đảng giải thích là thành phần không quan trọng, **chỉ có lập trường mới đáng kể**. Năm 1952 ông Trần Đức Thảo đỗ thạc sĩ triết học ở Paris

về nước phục vụ kháng chiến, nhưng bốn năm sau, trong phong trào *Trăm hoa đua nở* (sẽ trình bày ở Chương 17), ông viết: “*Tổ chức ở huyện và tỉnh phát triển theo một thứ chủ nghĩa nông dân lưu manh hoá*”. Xem những văn thơ đăng trong Giai phẩm và Nhân văn, xuất bản trong phong trào Trăm hoa đua nở, chúng ta thấy rõ trí thức trong hàng ngũ kháng chiến hết sức chán nản đối với đường lối chính sách của Đảng. Mặc dầu thiếu số, trí thức đã đóng góp rất nhiều cho kháng chiến và cho Đảng. Đảng vẫn còn cần đến họ, nhưng càng ngày họ càng bị khinh rẻ.

Đảng đã cử hàng nghìn thanh niên sang Nga, sang Tàu và sang Đông Âu để học tập, nhưng hồi ấy họ chưa thành tài nên Đảng vẫn còn cần những cán bộ và chuyên viên thuộc thành phần “phong kiến” và đã hấp thụ giáo dục “thực dân”. **Ông Mao đã từng tuyên bố là trí thức không giác ngộ chủ nghĩa Mác-xít thì không ích lợi bằng một cục phân**, vì phân còn có thể dùng để bón ruộng. Chỉ vì chưa đào tạo được lớp người mới nên bắt buộc dĩ Đảng vẫn phải dùng người cũ trong ít lâu. Do đó Đảng thấy cần phải cải tạo lại tư tưởng cho họ. Công cuộc giáo dục trí thức được cộng sản mệnh danh là “công tác tư tưởng”, một thứ công tác mà cộng sản coi là quan trọng vào bậc nhất. Nó là một thứ tâm lý chiến, không phải nhằm vào địch, mà nhằm để phá ảnh hưởng tư tưởng địch ăn sâu trong đầu óc trí thức.

Theo sát công tác quân sự, kinh tế chính trị và xã hội và ngay cả trong thời kỳ xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, công tác tư tưởng được chia thành nhiều đợt, mỗi đợt chỉ nhằm tiêu diệt “một kẻ thù”. Y hệt ba anh em Horac trong tuồng của Corneille, giết ba địch thủ mỗi người một lúc, công tác tư tưởng cũng nhằm tiêu diệt mỗi lần *một* tư tưởng phi vô sản.

- Trong giai đoạn đầu, 1946-54 (tức là trong thời gian kháng chiến) công tác tư tưởng nhằm để phá “ảnh hưởng văn hoá Pháp”, duy tâm, hoài nghi, lãng mạn, cá nhân chủ nghĩa, nghệ thuật vị nghệ thuật, vân vân.
- Trong giai đoạn thứ hai (trong Cải cách ruộng đất) công tác tư tưởng nhằm để phá quan niệm phong kiến về tư hữu và trật tự xã hội, đạo lý nhà nho, thái độ khinh rẻ “dân ngu khu đen”, vân vân.
- Trong giai đoạn thứ ba (sau vụ *Trăm hoa đua nở*): chống tư tưởng tư sản tự do kinh doanh, hâm mộ kỹ thuật Tây phương và chính thể đại nghị của Tây phương, luyện tiếc những “tự do tản mạn” (tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do đi lại) v.v.
- Trong giai đoạn cuối, từ 1959 trở đi (sau khi sung công hết xí nghiệp tư nhân): chống tư tưởng “tiểu tư sản” mà trong bản báo cáo đọc trước Đại hội Đảng Lao động lần thứ ba, ông Trường Chinh đã định nghĩa đại khái như sau:

... “*Lập trường bấp bênh, chủ quan, hay lạc quan và bi quan tếu, hẹp hòi, thiếu cận, do dự, bảo thủ, thiếu tinh thần kỷ luật, không tôn trọng kỷ luật lao động, không tích cực đi vào con đường tập thể, không chịu sống cuộc đời mới, luyện tiếc lối sản xuất cá thể, không mạnh dạn cải tiến kỹ thuật và tổ chức, không dám tìm cái mới, sợ nghĩ và sợ hành động, không quyết tâm thu mua lương thực của nhân dân, thu thuế và thu nợ, không quyết tâm đàn áp phản động hiện hành*”.

Trong khi để phá những tư tưởng phản động thì đồng thời Đảng cũng tích cực giáo dục tư tưởng Mác-xít. Công tác giáo dục này cũng chia thành nhiều đợt để đảng viên và cán bộ quần chúng có thể leo dần lên lâu đài Mác-xít cao chót vót mà không bị chóng mặt. Việc chia công tác tư tưởng thành nhiều đợt có những nguyên do như sau:

Giảng lý thuyết Mác-xít cho một người trong trắng là chuyện rất khó, và một bài học, một khoá học, có khi một năm cũng không đủ. Không khác hình học Euclide, lý thuyết Mác-xít cũng bắt nguồn từ một định đề rồi từ định đề ấy rút ra một số định lý và hệ luận, để dẫn tới một kết quả cụ thể. Đối với lý thuyết Mác-xít thì định đề là: Mâu thuẫn nội bộ, và kết luận cụ thể là: đời sống cộng sản là đời sống hợp lý nhất. Học sinh nghiên cứu lý thuyết Mác phải chia thành nhiều lớp, trên, dưới và tiến tuần tự từ dưới lên trên.

Chủ nghĩa Mác-xít giống hoá học ở một điểm là cả hai đều là khoa học thực nghiệm, phát xuất từ những nhận xét thực tế rồi giải thích bằng lối suy trác thuyết. Nếu không ai có thể chỉ đọc sách hoá học mà trở thành một hoá học gia thì cũng không ai có thể chỉ đọc sách Mác-xít hoặc nghe giảng Mác-xít mà trở thành một đảng viên cộng sản tốt, hoặc thậm chí thấm nhuần lý thuyết Mác-xít. Thực tế hành động là tối cần vì chỉ có hoạt động thực tế thì chất Mác-xít mới thấm vào cơ thể của mỗi người. Vì vậy nên sau mỗi khoá “công tác tư tưởng”, học sinh nghiên cứu chủ nghĩa Mác cần phải trải qua một thời kỳ thực tập.

Cộng sản hình dung những tư tưởng phản động như những vi trùng độc đột nhập vào cơ thể, và cả hai đều gồm nhiều loại, mỗi loại gây thành một thứ “bệnh” đặc biệt. Những tư tưởng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, và hàng chục tư tưởng “phi vô sản” khác – thường gọi là “bệnh” – đều có tác hại và cần phải chữa chạy. Muốn chữa cho khỏi bệnh, bác sĩ phải kê nhiều “toa” liên tiếp. Liều thuốc “yêu nước” chẳng hạn có thể dùng để chữa bệnh “văn hoá suy đồi của Pháp”, mà triệu chứng là hoài nghi, lãng mạn, cá nhân chủ nghĩa, vân vân; còn liều thuốc “giác ngộ xã hội chủ nghĩa” thì hiện nay đương dùng chữa bệnh “tiểu tư sản”.

Chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin-nít là một thứ thuốc dùng để chữa bệnh, nên in hết các thứ thuốc khác nó cũng cần phải “tiêm” rất từ từ. Nếu phát tiêm đầu tiên mạnh quá, hoặc cách ít ngày quá, bệnh nhân có thể “phản ứng” một cách mãnh liệt. Muốn “nhồi” chủ nghĩa Mác-xít thì đại khái cũng phải như vậy; mỗi ngày một ít, và sau mỗi lần “nhồi” lại phải nghỉ một thời gian.

Nhưng lý do quan trọng nhất khiến công tác tư tưởng bắt buộc phải chia ra thành nhiều đợt, đã được ông Trường Chinh chính thức giải thích trong bản báo cáo ông đọc trước Hội nghị lần thứ ba của Đảng Lao động như sau:

“Công tác chính trị quyết định công tác tư tưởng, và công tác tư tưởng phải phụ thuộc công tác chính trị. Hai công tác kể trên không thể tách rời nhau và nhất là đối lập với nhau.”
(Văn học, số 113, tháng 9, 1960).

Ý ông Trường Chinh muốn nói là mỗi lần Đảng thay đổi chính sách là một lần Đảng phải mở một chiến dịch cải tạo tư tưởng.

Tổ chức cải tạo tư tưởng cho toàn dân có thể ví với một trường học khổng lồ mà cả nước là học trò. Chương trình huấn luyện gồm có nhiều đợt mà học sinh cũng chia thành hai hạng. Đảng viên tương đối có nhiều kiến thức chính trị hơn thì học lớp trên, còn cán bộ không đảng thì học lớp dưới. Nhưng trên hay dưới cũng học một môn là chủ nghĩa Mác-xít. Vì đảng viên sở trường về chính trị nhiều hơn nên mức huấn luyện có cao hơn. Trong mấy năm gần đây Đảng có soạn hai chương trình huấn luyện riêng biệt, một cho đảng viên và một cho cán bộ không đảng. Ông Trường Chinh trình bày mục đích của hai chương trình ấy như sau:

Chương trình cho cán bộ: Mục tiêu của cuộc đấu tranh giáo dục và tư tưởng là sự hiểu biết mỗi ngày một rộng về ý chí muốn thống nhất quốc gia và tinh thần nhân dân làm chủ cả nước. Phải huấn luyện học viên *chống lại* mỗi hiện tượng của tư tưởng tư sản và *phê bình* tư tưởng tiểu tư sản. Cần phải kiên trì gạt bỏ mọi tàn tích tư tưởng phong kiến và những tư tưởng phi vô sản khác.

Chương trình đảng viên:

Đối với đảng viên thì chương trình huấn luyện nhằm mục đích tăng cường tư tưởng vô sản bằng cách huấn luyện kỹ càng chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin-nít. Phải khuyến khích các đảng viên đấu tranh chống ảnh hưởng tư sản và tư tưởng tiểu tư sản, và phải tiếp tục tẩy trừ mọi vết tích tư tưởng phong kiến và những tư tưởng phi vô sản khác (ibid).

Đọc kỹ hai chương trình, một dành riêng cho đảng viên, và một cho cán bộ không đảng, chúng ta có thể nhận thấy nhiều điểm đặc biệt.

- Tinh thần quốc gia (nguyện vọng thống nhất quốc gia) nằm trong chương trình công tác tư tưởng cán bộ **không đảng**, nhưng loại trừ ra khỏi chương trình dành cho đảng viên, vì **đã là đảng viên cộng sản thì phải đặt sự lãnh đạo của Moscou hoặc của Bắc Kinh lên trên tinh thần quốc gia.**
- Thái độ của mỗi loại đối với những tư tưởng “sai lầm” cũng phải khác nhau. Theo quan niệm cộng sản tư tưởng tiểu tư sản dù sai, nhưng không tác hại nhiều như tư tưởng tư sản, và “phê bình” là một hình thức nhẹ hơn “đấu tranh”. Những danh từ này đều có nghĩa tương đối.

Ý ông Trường Chinh muốn nói,

- thứ nhất, đảng viên cũng như cán bộ ngoài đảng phải **đấu tranh diệt trừ tư tưởng tiểu tư sản**
- và hai là, trong khi cán bộ ngoài đảng bị “phê bình” nếu có tư tưởng tiểu tư sản, các đảng viên phải “đấu tranh” chống tư tưởng tiểu tư sản. Một cán bộ ngoài đảng mà để lộ tư tưởng tiểu tư sản thì chỉ bị phê bình qua loa, mà **nếu đảng viên cũng có tư tưởng ấy thì sẽ bị trừng phạt.**

Tóm lại, Đảng còn dung thứ cho tư tưởng tiểu tư sản hoành hành một phần nào trong đám cán bộ không đảng, nhưng **tuyệt đối quét sạch tư tưởng ấy trong hàng ngũ đảng viên.**

Chương trình cải tạo tư tưởng chia làm ba đợt:

- Đợt thứ nhất (cho tới 1960) Đảng làm ngơ tư tưởng tiểu tư sản trong hàng ngũ cán bộ ngoài đảng, và Đảng chỉ phê bình những đảng viên có tư tưởng ấy.
- Trong đợt thứ hai (mà ông Trường Chinh trình bày) cán bộ ngoài đảng có tư tưởng tiểu tư sản thì bị phê bình, đảng viên thì bị đấu tranh. Đối với tư tưởng tư sản thì cả hai loại đều bị đấu tranh.
- Đến đợt thứ ba (để tiến tới trình độ hoàn hảo) cả cán bộ ngoài đảng và đảng viên đều phải đấu tranh chống cả hai thứ tư tưởng tiểu tư sản và tư sản.

Nói chung thì đối với loại tư tưởng nào Đảng cũng có ba thái độ. Đầu tiên làm ngơ, sau là phê bình, và sau nữa là đấu tranh. Toàn dân, đảng viên, cán bộ và quần chúng lần lượt phải bước qua ba giai đoạn kể trên, nhưng kẻ bước trước, người theo sau.

Liều thuốc chích cho đảng viên dĩ nhiên nặng hơn liều chích cho cán bộ ngoài đảng, nhưng sang giai đoạn sau thì liều thuốc chích cho cán bộ ngoài đảng nặng thêm, và cho đảng viên lại nặng thêm nữa. Như vậy là đảng viên, trí thức ngoài đảng, nông dân, công nhân, mọi người cứ như leo thang, bước dần lên tình trạng chí thiện, mà ông Trường Chinh mô tả như sau:

“Mục đích của cuộc cách mạng hiện nay là toàn thể nhân dân và đặc biệt là nhân dân lao động phải quán triệt tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phải gạt rữa những nhân sinh quan và thế giới quan cũ bằng quan điểm Mác-xít. Chủ nghĩa Lê-nin-nít sẽ hướng dẫn nếp sống đạo đức cho cả nước và là cái khung chứa đựng tư tưởng của toàn thể dân tộc. Nó sẽ là nền tảng xây dựng đạo đức cho nhân dân ta.”

(Ibid).

Đoạn văn kể trên chứng tỏ rằng chủ nghĩa Mác-xít là một tôn giáo theo đúng nghĩa của danh từ “tôn giáo”, một tôn giáo đang đấu tranh để thay thế hết thảy các tôn giáo khác và không chịu mấy may dung túng chủ nghĩa “vô thần” hoặc “đa thần” trong đám quần chúng dưới sự kiểm soát của họ. Để đạt tới tình trạng chí thiện này (na ná như Đạo của Lão giáo, hoặc Niết bàn của Phật giáo) giáo hội Đông phương của Mác-xít giáo đã dùng hai biện pháp thâm sát là **“Kiểm thảo”** và **“Chỉnh huấn”** mà chúng tôi sẽ trình bày trong các chương sau.